

Ý NGHĨA CĂN BẢN VỀ ĐẠO TRƯỜNG LĂNG NGHIÊM

Kinh Lăng Nghiêm, quyển 7 có ghi:

“Đức Phật bảo A Nan. Nếu có người đời Mạt Pháp muốn lập Đạo Trường. Trước tiên phải lấy phân nhuyễn mịn của loài trâu trắng ở Tuyết Sơn hoà với đất vàng và mười thứ thảo mộc thơm như Chiên Đàn, Trầm Hương để làm nền Đạo Trường. Nơi đất bằng đào sâu năm thước, xây Đàn hình bát giác chu vi rộng mười sáu thước. Chính giữa Đàn chưng một hoa sen bằng kim loại, trong hoa sen để một bát nước đựng nước sương mù tháng tám, trong nước để nhiều lá sen, chung quanh bát sen đặt tám cái gương tròn nơi tám góc, bên ngoài gương để mười sáu bông sen xen với mười sáu lư hương, trong lư đốt bột Trầm Hương và dùng các thứ đồ ăn quý làm bánh sữa đựng trong mười sáu cái chén để cúng dường chư Phật và Đại Bồ Tát. Trước Đàn để một lư than nhỏ, đến mỗi bữa ăn hoặc nửa đêm, dùng mật ong và tô lạc đổ vào lư than, đốt lên cúng dường Phật Bồ Tát. Bốn phía bên ngoài treo phướng, hoa. Bốn vách trong Đàn treo hình tượng chư Phật Bồ Tát. Hai bên cửa treo tượng Hộ Pháp Long Thiên. Lại lấy tám cái gương treo trên hư không chiếu thẳng vào tám gương tròn trong Đàn khiến thành hình bóng xen nhau, trùng trùng vô tận.

Trong Thất đầu, chỉ thành đỉnh lễ chư Phật, Đại Bồ Tát và A La Hán. Sáu thời nhiều Đàn tụng Chú, chỉ tâm hành đạo

Thất thứ hai, chuyên tâm phát Nguyện Bồ Tát chẳng gián đoạn

Thất thứ ba, mười hai Thời luôn luôn trì Chú. Đến ngày thứ bảy, mười phương Như Lai cùng hiện tiền trong ánh sáng gương, được Phật xoa đầu, liền ở Đạo Trường vào Tam Ma Địa

Người đời Mạt Pháp tu học như thế thì thân tâm được sáng tỏ, trong sạch như ngọc Lưu Ly

Này A Nan! Nếu Bản Sư Truyền Giới của Tỳ Kheo này và mười Tỳ Kheo đồng tu trong Đàn, trong đó có một người giữ Giới chẳng được trong sạch thì Đạo Trường này chẳng thể thành tựu

Sau Thất thứ ba, tĩnh tọa an cư, trải qua một trăm ngày. Nếu người lợi căn có thể ngay đó chứng Sơ Quả, dấu cho thân tâm chưa thành chính quả nhưng tự biết sẽ thành Phật chẳng sai. Người hỏi cách kiến lập Đạo Trường là như thế đó”

Theo truyền thống phổ thông của Mật Giáo thì Đạo Trường được gọi là **Đàn Trường** (Maṇḍala) hay vòng đai pháp thuật để có thể tách biệt với khu vực phạm tục chung quanh ngõ hầu hiển lộ được thần lực và thấu đạt trực kiến các luật lệ tâm linh. Do đó Maṇḍala là một biểu đồ chỉ một Thần Tính trong sự liên hệ Tâm Linh hay vũ trụ, trong đó Thần Tính được biểu thị qua hình ảnh nhân vật hoặc minh họa những căn vận qua chữ Cổ Phạn hay nương nhờ vào những hình tượng khác. Một số Maṇḍala biểu thị cho sự cô đọng toàn thể vũ trụ gồm có chư Phật, chư Bồ Tát, Chư Thiên, chư Thần Thánh, Ma Quỷ, sông, núi, biển, cung điện, vật báu, văn tự Kinh Điển, Ấn Quyết... Nói cách khác Maṇḍala tượng trưng cho Chân Thật Giới bằng hình tướng và sắc thể, biểu thị cho tướng mạo sai biệt hiển trên 6 Đại (Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Thức) qua hình tượng hoặc căn vận. Mỗi Maṇḍala có một câu Chú (Mantra) hay Chủng Tự (Bija) hướng dẫn và sau khi được một Đạo Sư (Guru) ấn chứng nghĩa là di chuyển sức mạnh huyền bí (Prāna-pratiṣṭha) của mình vào trong đó thì Maṇḍala sẽ biến hóa vô cùng tùy theo công năng và căn cơ của người thực hiện để minh xác năng

lực tâm linh. Vì thế Maṇḍala chính là cây cầu nối giữa Thế Giới thường ngày của tri giác có thời gian tính với Thế Giới Trí Tuệ không có thời gian tính. Một khi Hành Giả đã quán tưởng và gia trì các Chân Ngôn đến chỗ tự đồng hóa là một với Maṇḍala thì Hành Giả sẽ thành tựu quyền năng vượt thoát những xiềng xích của cuộc sống khổ đau.

Pháp tu Mật ở Ấn Độ nói là: “*Để ngăn ngừa Ma Chướng xâm nhập mà vẽ khu vực hình tròn, hình vuông hoặc xây dựng Đàn đất. Có lúc bên trên vẽ tượng Phật Bồ Tát. Khi xong việc rồi thì phá bỏ tượng đi cho nên thường dùng khu vực vẽ hình tròn hoặc hình vuông để làm Địa Vực và gọi là Man Trà La (Maṇḍala). Do coi bên trong Địa Vực ấy tràn đầy chư Phật và Bồ Tát mà gọi là **Luân Viên Cụ Túc***”

Ở trong Luật cũng nói là: “*Tránh sự bất tịnh mà ở mỗi trường hợp làm Man Trà La*”

Theo nghĩa rộng hơn, Maṇḍala được dịch âm là Man Đà La, Man Trà La, Mạn Trà La, Mạn Noa La, Mãn Noa La và được dịch ý là Đàn, Đạo Trường, Tụ Tập, Luân Viên Cụ Túc.

Đại Nhật Kinh Sớ quyển 4 ghi là : “*Man Trà La có các ý nghĩa là*

1) **Luân Viên Cụ Túc**: là các Tôn như bánh xe xoay vòng bốn phía ở **Phổ Môn** của Đại Nhật Như Lai, hiệp trợ Đức Đại Nhật khiến cho chúng sinh được vào **Phổ Môn**

2) **Phát Sinh**: là hay nuôi dưỡng Phật Chúng để sinh Phật Thọ Vương (Phật Quả). Lại do ý nghĩa của Phạm Ngũ , Maṇḍala là tinh chế sữa bò làm **Đề Hồ** cho nên Maṇḍala biểu thị cho sự thuần tịnh dung diệu của Phật Quả tức là địa vị **Cực Vô Tỷ** không có địa vị nào hơn”

Mật Giáo đời sau nhận định rằng sự chủ yếu của Man Trà La là ý **Tụ Tập** tức là đất cư ngụ của chư Phật, Bồ Tát, Thánh Giả. Ấn Độ đắp Đàn đất (**Thổ Đàn**) tức là y theo đồ hình trên làm các Tôn, sau khi xong việc lại phá bỏ đi. Ở Trung Hoa, Nhật Bản thì chuyên dùng giấy và lụa để vẽ hình các Tôn (**Mộc Đàn**), hoặc đơn giản tại nơi chốn ấy rưới vẩy nước thanh tịnh mà thành **Thủy Đàn**

Man Trà La có 4 loại gọi là **Tứ Chúng Man Trà La** hay gọi tắt là **Tứ Man** gồm có :

1) **Đại Man Trà La (Tôn Hình Man Trà La)**: là hình vẽ các Tôn đầy đủ dung mạo, tướng tốt

2) **Tam Muội Gia Man Trà La**: Do Tam Muội Gia (Samaya) của các Tôn biểu thị cho Bản Thể , là các vật khí được cầm trong tay như: Dao, kiếm, gậy, bông, khí tượng, Kinh Điển... Khi dùng hình vẽ ghi các vật hoặc tạo tay kết Ấn Khế mà được gọi là Tam Muội Gia Man Trà La

3) **Pháp Man Trà La (Chúng Tử Man Trà La)**: là hình vẽ các chúng tử với Chân Ngôn của các Tôn đặt ở Bản Vị của các Tôn. Hoặc dùng Tam Ma Địa (Samādhi) của Pháp Thân (Dharmakāya) rồi lấy tất cả văn nghĩa của Kinh Luận mà ghi nhận Tôn Vị

4) **Yết Ma Man Trà La**: là hình tượng biểu thị các sự nghiệp uy nghi của các Tôn

Bốn loại Man Trà La này đều có 3 thứ Man Trà La là :

a) **Đô Hội (Đô Môn, Phổ Môn) Man Trà La**: là các Tôn cùng tụ tập một chỗ như Đại Nhật Như Lai (Vairocana Tathāgata) được dùng làm trung tâm cho 2 Bộ Man Trà La (Thai Tạng Giới Man Trà la và Kim Cương Giới Man Trà La)

b) **Bộ Đô Man Trà La**: là bộ phận của các Tôn như Phật Đỉnh Man Trà La của Phật Bộ (Buddha kulāya), Thập Nhất Diện Quán Am Man Trà La của Liên Hoa Bộ (Padma Kulāya)

c) **Biệt Tôn (Nhất Môn) Man Trà La**: là dùng một Tôn làm trung tâm như Thích Ca Man Trà La, Như Ý Luân Man Trà La

Y theo sự thuyết Pháp của Kinh Đại Nhật thì có thể quy nạp nơi ba loại thân bí mật là :

1_ **Chữ**: là Pháp Man Trà La (Dharma-maṇḍala)

2_ **Ấn**: là Tam Muội Gia Man Trà La (Samaya-maṇḍala)

3_ **Hình**: là Đại Man Trà La (Mahā Maṇḍala)

Ba Thân này đều đầy đủ sự nghiệp uy nghi nên gọi là Yết Ma Man Trà La (Karma-maṇḍala)

Bốn loại Man Trà La này tuy viên mãn đầy đủ vạn Đức nhưng tổng quát thì quy về một mà siêu việt sự tương đối, đây là **Thể Đại Man Trà La**. Do đầy đủ sự sai biệt của mọi tướng nên gọi là **Tướng Đại Man Trà La**. Do đầy đủ nghiệp dụng của 3 Mật nên gọi là **Dụng Đại Man Trà La**

Lại nữa do 4 Man Trà La nhiếp tất cả tướng trạng tồn tại nên đối với 6 Đại, Thể Đại, Tam Mật Dụng Đại mà gọi là **Tứ Man Tướng Đại** .

Ngoài ra còn có thuyết nói về **Tam Chủng Tứ Man Trà La** là :

1) *Nói về đời quá khứ* : Tập trung chúng Thánh nơi Pháp Hội do Pháp Thân của Đại Nhật Như Lai nói Pháp, gọi là **Tự Tính Hội Tứ Man**

2) *Nói về đời vị lai*: Ảnh tượng với sự ghi chép tô vẽ, gọi là **Thế Gian Trụ Trì Man Trà La**

3) *Nói về đời hiện tại* : Du Hành Giả gọi là Hành Giả tu hành Tứ Man

Riêng 4 Trí Ấn (Tứ Ấn) gồm Đại Trí Ấn, Tam Muội Gia Trí Ấn, Pháp Trí Ấn, Yết Ma Trí Ấn cùng với 4 Man có chỗ dị đồng tức là đồng thể mà khác tên. Hoặc nói là Tứ Man đối với *Thế vốn có của Hữu Tình* mà có tên, còn Tứ Ấn thì đối với sự tu hành sinh ra mà có tên

Tu Pháp Đàn: tức Đàn được dùng theo Pháp tu. Khi tu Pháp thời an trí tượng Phật, Tam Muội Gia kèm phối trí vật được cúng với nhóm dụng cụ dùng để cúng. Y theo bảy ngày dựng lập Đàn Pháp. Ở đây có Đại Đàn, Hộ Ma Đàn, Tiểu Đàn...

Đại Đàn là bên trên vẽ làm **Chủ Đàn** là **Bản Tôn** của Pháp tu

Hộ Ma Đàn là ở chính giữa hoặc ở một bên của Đại Đàn có an trí một lò lửa thiêu đốt phẩm vật. Hình của cái lò tùy theo nhóm Pháp Tăng Ích... mà có hình vuông tròn khác nhau. Như Pháp **Tức Tai** làm Đàn hình tròn, Pháp **Tăng Ích** làm Đàn hình vuông, Pháp **Điều Phục** làm hình tam giác, Pháp **Câu Triệu, Kính Ái** làm đàn hoa sen

Tiểu Đàn dùng cho Đàn riêng của nhóm Quán Đỉnh

)Lại y theo hình dạng của Đàn mà phân chia: hình vuông là **Địa Luân Đàn**, hình tròn là **Thủy Luân Đàn**, hình tam giác là **Hỏa Luân Đàn**, hình nửa vành trăng là **Phong Luân Đàn**

)Nếu là Giới Trường để cùng nhau thọ nhận **Giới** thì xưng là **Giới Đàn**, Nơi chốn có an trí tượng Phật thì xưng là **Phật Đàn**

)**Đàn Thành** có hai bộ phận là Đàn và cái thành.

Thành là cái thành ở bên ngoài Đàn Tháp, hình vuông vức, dựng các tòa, điện báu cúng phụng chư Phật Bồ Tát

Đàn phân làm hai bộ phận **Hiển Mật**. **Hiển Đàn** làm hình tròn có nhiều lớp, bên trong dựng phương báu, trên đỉnh phương có dù lọng trang sức... các tầng phân biệt cúng phụng chư Phật, Bồ Tát, Hiền Thánh, Hộ Pháp...**Mật Đàn** cúng phụng các Đức Như Lai thuộc Mật Bộ của Bản Tôn, là Nội Quyển Thuộc chuyên tu Đạo Trường

Dựa vào ý nghĩa **Phát sinh chư Phật**, các bậc Đạo Sư Mật Giáo thường cúng dường Maṇḍala và truyền dạy cho Môn Đồ nắm vững Mật Ý tu hành Chính Pháp qua việc xây dựng Đạo Trường và tạo dựng hình tượng các Tôn. Sự kiện này nhằm nhắc nhở Hành Giả tu trì Mật Pháp phải biết phối hợp Kinh Giáo với Mật Điển một cách nhuần nhuyễn để đừng bao giờ lãng quên ý hướng tu tập của mình đồng thời tránh xa sự chấp trước vào năng lực thần thông có được trong khi tu hành...

Theo ý nghĩa này thì cách tạo lập **Đạo Trường Lăng Nghiêm** hàm chứa những nghĩa thú như sau:

“Phân nhuyễn mịn của loài trâu trắng ở Tuyết Sơn hòa với đất vàng và mười thứ thảo mộc thơm như Chiên Đàn, Trâm Hương... để làm nền Đạo Trường”

Đây là ý niệm cơ bản của sự kết cấu thành Đạo Trường gồm 3 đỉnh giác ngộ mà Kinh Đại Nhật đã nói là: *“Tâm Bồ Đề là Nhân, Đại Bi là gốc rễ, Phương Tiện Thiện Xảo là Cứu Cánh (Quả)”*

Phân nhuyễn mịn của loài trâu trắng ở Tuyết Sơn

Trâu trắng ở núi Tuyết (Himalāya) là loài trâu khỏe mạnh, chịu đựng được mọi sự khắc nghiệt của giá lạnh, chuyên ăn các loại cỏ thơm tốt nên phân của nó không có mùi hôi thối. Vì thế các Hành Giả Mật Giáo thường hay dùng phân của nó để xoa tô Đạo Trường

Theo ý nghĩa khác thì **con trâu** biểu thị cho Pháp **Đại Thừa** (Mahā-yāna). **Màu trắng** biểu thị cho nghĩa vượt qua 160 Tâm Hữu Tình và cũng là màu sắc biểu thị cho đức tin trong sạch. Vì thế **con trâu trắng** biểu thị cho Pháp Đại Thừa trong trắng thanh tịnh

Phân của loài trâu trắng: biểu thị cho phương tiện Đại Bi vô tận của Như Lai nhằm nhắc nhở cho chúng sinh nhận biết rằng **Mình vốn có Trí Tuệ viên mãn giống như Phật không có sai khác**

Núi Tuyết (Himalāya) là dãy núi có ngọn cao nhất so với các ngọn núi khác trên quả địa cầu này nên nó biểu thị cho Trí Tuệ của Đấng Toàn Giác

Do đó nguyên câu này biểu thị cho ý nghĩa là: “Lòng tin sâu rộng vào Pháp Đại Thừa trong trắng thanh tịnh tức là niềm tin chân thật rằng mình vốn có Tâm Tính Bồ Đề giống như chư Phật không có sai khác”

Đất vàng:

Đất là nơi nương tựa của tất cả chúng sinh

Màu vàng biểu thị cho **Niệm**, lúc một Niệm tương ứng thì Định Tuệ cân bằng mở bày 7 Giác Phân. Hoặc màu vàng biểu thị cho sự tu trì hạt giống Bồ Đề nuôi dưỡng vạn hạnh qua Tâm Đại Bi bình đẳng

Như vậy đất màu vàng biểu thị cho Tâm Đại Bi bình đẳng. Là gốc rễ nuôi lớn Phước Đức, làm rạn rở muôn điều lành

Mười thứ thảo mộc thơm:

Mười thứ thảo mộc thơm thường dùng là:

- 1 _ **Chiên Đàn Hương**: có mùi thơm ngát, nên còn gọi là **Bồ Thí Hương**
- 2 _ **Bạch Giao Hương**: Trừ khí ác, trị ghê nên biểu thị cho sự trừ bỏ những điều bất thiện của thân. Do đó gọi là **Giới Hương**
- 3 _ **Tô Hợp Hương**: có thính sát Quỷ trừ Tà, chế ngự Ma Quỷ nên còn gọi là **Nhẫn Hương**
- 4 _ **Thanh Mộc Hương**: có tính trừ bỏ sự mất ngủ giúp cho ngủ ngon nên còn gọi là **Tinh Tiến Hương**
- 5 _ **Huân Lục Hương**: có tính làm dứt sự đau nhức nên còn gọi là **Định Hương**
- 6 _ **Linh Lăng Hương**: có tính làm cho sáng mắt nên còn gọi là **Tuệ Hương**

7 _ **Trầm Thủy Hương**: có bột lỏi rất nặng, thả xuống nước liền chìm nên biểu thị cho sự cùng tột của các Pháp. Do đó gọi là **Bồ Đề Hương**

8 _ **Uất Kim Hương**: có tính an thân nên biểu thị cho sự diệt ám phá chấp. Do đó gọi là **Pháp Hương**

9 _ **Cam Tùng Hương**: có tính trừ bụng bị chướng hoặc hạ khí. Do hòa hợp các mùi thơm nên còn gọi là **Giải Thoát Hương**

10 _ **Kê Thiệt Hương**: Khi uống vào thì thân miệng lúc nào cũng tỏa mùi thơm nên biểu thị cho sự dùng tất cả phương tiện đi vào khắp các cảnh giới. Do đó gọi là **Giải Thoát Tri Kiến Hương**

Nói theo cách khác thì 10 thứ hương biểu thị cho 10 câu Duyên Sinh mà các Bồ Tát tu hành Hạnh Bồ Tát trong Chân Ngôn Môn phải quán sát để thông đạt tác chứng nơi Hạnh Chân Ngôn :

1) **Như huyền**: Ví như Chú Thuật, sức của thuốc hay tạo ra các loại sắc tướng làm mê hoặc con mắt khiến cho mắt thấy những sự việc chưa từng có đang sinh hóa lưu chuyển qua lại khắp 10 phương. Tất nhiên hiện tượng đó chẳng có đi, chẳng phải không đi. Tại sao thế? Vì bản tính tĩnh lặng nên Chân Ngôn tuy là ảo nhưng nếu trì tụng thành tựu lại có thể sinh ra tất cả.

2) **Như dọn nước dưới ánh nắng**: Tất cả dọn nước dưới ánh nắng vốn là **Không** (Śūnya: Trống rỗng). Nó chỉ dựa vào vọng tưởng của người đời thành ra có chuyện đê đàm luận. Như vậy Tướng của Chân Ngôn chỉ là **Giả Danh**

3) **Như mộng**: Ví như nằm mộng, chỉ trong khoảng khắc mà thấy mình trải qua mấy năm dài với những cảnh khác lạ và thọ nhận các điều sướng khổ. Khi tỉnh giấc thì không thấy gì. Như vậy nên biết rằng Hạnh của Chân Ngôn cũng như giấc mộng.

4) **Như ảnh**: Lấy ảnh làm ví dụ thì hiểu rõ Chân Ngôn có thể phát sinh **Tất Địa** (Siddhi) như soi mặt vào gương thì thấy hình tượng của mặt. Như thế nên biết rằng Tất Địa của Chân Ngôn cũng như ảnh vậy.

5) **Như thành Càn Thát Bà**: Dùng thành Càn Thát Bà làm ví dụ thì hiểu rõ sự thành tựu của Cung Tất Địa

6) **Như tiếng vang**: Lấy tiếng vang dội làm ví dụ thì hiểu rõ âm thanh của Chân Ngôn. Giống như duyên theo âm thanh mà có tiếng vang dội. Người trì Chân Ngôn nên hiểu như thế

7) **Như bóng trăng dưới nước**: Do mặt trăng xuất hiện soi chiếu xuống giếng nước lặng yên mà hiện ra bóng trăng dưới nước. Như vậy Chân Ngôn cũng như bóng trăng dưới nước. Bạc Trì Minh nên nói như thế

8) **Như bọt nổi**: Như trời đổ mưa tạo thành bọt bong bóng nước. Các biến hóa của Tất Địa thuộc Chân Ngôn ấy cũng nên biết như vậy

9) **Như hoa đốm giữa hư không**: Ví như trong hư không không có chúng sinh, không có thọ mệnh, kẻ làm điều ấy cũng chẳng thể được. Vì dùng Tâm mê loạn nên phát sinh các loại Vọng Kiến như thế

10) **Như vòng lửa tròn**: Ví như lửa sắp tàn. Nếu có người cầm cục than lửa trên tay rồi quay tròn trong hư không thì trên hư không sẽ xuất hiện một vòng lửa. Do đó nên biết rõ các Câu Đại Thừa, câu của Tâm, câu Vô Đẳng Đẳng, câu Tất Định, câu Chính Đẳng Giác lần lượt đến các câu Sinh Đại Thừa. Theo thứ tự như thế sẽ được đầy đủ các Pháp Tài, sẽ sinh ra được các loại công xảo Đại Trí , biết khắp tất cả Tướng Tâm như thật

_ **Nền Đạo Trường**: Là căn bản của các Pháp phát sinh chư Phật

Nguyên đoạn văn trên có ý nghĩa là:

Người tu hạnh Chân Ngôn muốn chứng được Phật Trí thì nền tảng căn bản là phải biết phát khởi Tâm Bồ Đề nghĩa là tự tin rằng **Ta vốn có đầy đủ Giác Tính như chư Phật chỉ do vọng niệm Vô Minh che lấp mà phải nổi trôi trong biển sinh tử**. Nay Ta phải sám hối mọi lỗi lầm Vô Minh, dùng mãnh phát Tâm tu thành bậc Chính Đăng Chính Giác, quán sát 10 câu Duyên Sinh để xa lìa mọi vọng tưởng chấp trước, biết khắp cả tướng Tâm như thật và rốt ráo thành tựu Phật Quả Vô Thượng

“Nơi đất bằng đào sâu năm thước, xây Đàn hình bát giác chu vi rộng mười sáu thước”

_ **Đất bằng**: biểu thị cho sự sửa trị Tâm cho đúng đắn, xa lìa mọi sự chấp trước thiên lệch, xây dựng tâm bình đẳng. Đối với người tu tập Hạnh Bồ Tát thì phải cương quyết trừ bỏ tất cả bợn nhơ hết sức vi tế của tâm Vô Minh, phát khởi tâm vắng lặng bình đẳng, phát khởi tâm Bồ Đề Chân Thật.

_ **Đào sâu năm thước**: Biểu thị cho sự trừ diệt 5 loại lỗi lầm (Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi) phát khởi 5 loại căn lành (Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ) để thông nhiếp muôn hạnh

_ **Xây Đàn hình bát giác**: Trái tim thịt (Hridaya) của chúng sinh có 8 múi vốn là hoa sen 8 cánh nhiếp trì Mạn Trà La của chư Tôn. Nơi đây hiển thị cho nghĩa **Tất cả chúng sinh thấy đều có Lý Thú của Phật Tính** và đây là nơi xây dựng Đàn Trường.

Ý nghĩa này được biểu thị bằng Đàn bát giác (8 góc)

_ **Chu vi rộng mười sáu thước**: Biểu thị cho 16 lớp Huyền Nghĩa minh họa cho thứ lớp tu tập dần dần chứng nhập Phật Quả gồm có: 6 bậc Vô Úy và 10 Địa. Đây là căn bản của Pháp tu Mật Giáo để **mau chóng thành Phật**

.) Sáu bậc Vô Úy gồm có:

1 _ **Thiện Vô Úy**: Do tu các nghiệp lành (5 Giới, 10 Thiện) và dứt trừ được các nghiệp chướng lành (Tránh được mọi khổ não của 3 đường ác) khiến thân tâm được an ổn mà được Bậc Vô Úy thứ nhất. Đây là giai đoạn vào Đạo Trường và bắt đầu thực hành 3 Mật. Trong Bậc này, Hành Giả dùng Pháp Quán **Chữ của tiếng** mà tu hạnh Mạn Đà La

2 _ **Thân Vô Úy**: Do biết **Ngã như thật** nên vất bỏ mọi sự dính mắc đến cái Ngã (Ātma) đi đến chỗ không còn thấy sợ hãi cho bản thân mà được Bậc Vô Úy thứ hai. Đây là giai đoạn thực thi 3 Mật đạt đến trình độ thấy hình tướng của Bản Tôn bằng cái thấy của Tâm. Trong Bậc này, Hành Giả vào trong Pháp Quán **Hữu Tướng** mà tu hạnh Mạn Đà La

3 _ **Vô Ngã Vô Úy**: Do thấy chỗ nhóm họp của các Thủ Uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức) là Ngã Thân bèn quán sắc tượng rồi tự xả bỏ sự chấp trước vào cá vị của bản thân, thực chứng Ngã Không mà được bậc Vô Úy thứ ba. Đây là giai đoạn người tu Du Già suy tư về Tự Tính của Tâm, thấy Tâm chẳng thể đắc liền bỏ Ngã chẳng sinh kiêu mạn. Trong Bậc này, Hành Giả vào trong **Tâm chỉ có Uẩn Vô Ngã** mà tu hạnh Mạn Đà La

Ba Bậc này là quá trình dẹp bỏ vọng chấp thô thiển, thực chứng Đạo Lý Vô Ngã

4 _ **Pháp Vô Úy**: Do dứt trừ Uẩn, trụ trong Pháp Phan Duyên (Duyên bảm niú) mà được bậc Vô Úy thứ tư. Đây là giai đoạn người hành Chân Ngôn thực thi 3 Mật, thấy các hình tướng hiện tiền vốn thật không có hiện hữu giống như bóng trăng dưới nước, hiểu rõ các Pháp Uẩn đều là rỗng không. Trong Bậc này, Hành Giả vào trong **Tâm duyên Pháp** mà tu hạnh Mạn Đà La

5 _ **Pháp Ngã Vô Úy**: Do dứt trừ Pháp, trụ vào **Không Duyên** mà được bậc Vô Úy thứ năm. Người hành Chân Ngôn hiểu rằng tất cả hình tướng thấy được đều là

những trạng thái của chính Tâm ta. Quán thấy 3 cõi chỉ do Tâm, ngoài Tâm không có Pháp và chính Tâm Ta cũng rỗng không nên đạt được cái dụng tự tại của Tâm. Trong Bậc này, Hành Giả vào trong **Tâm Vô Duyên** mà tu hạnh Mạn Đà La

Hai Bậc này là quá trình diệt trừ sự vọng chấp sâu kín, thực chứng Đạo Lý về sự rỗng không của các Pháp trong chính 5 Uẩn

6 **Nhất thiết Pháp tự tính bình đẳng Vô Úy**: Do đối với tất cả Uẩn, Xứ, Giới, Năng Chấp, Sở Chấp, Ngã, Thọ Mệnh... với Vô Duyên Không, Tự Tính Vô Tính của Pháp mà sinh **Không Trí** (Śūnya-jñāna: Trí biết rõ sự trống rỗng) đạt được bậc Vô Úy thứ sáu. Hành Giả tu môn Chân Ngôn hiểu rằng các Pháp không hề có tự tính mà chỉ do các nhân quả chuyển níu nhau mà sinh ra nên thực chứng được tính bình đẳng của các Pháp, thực chứng Đạo Lý **Nhất Thừa** (Eka-yāna). Trong Bậc này, Hành Giả vào trong **Tâm bình đẳng** mà tu hạnh Mạn Đà La

Đây là giai đoạn diệt trừ hết mọi vọng chấp rất vi tế về sự tin tưởng có tính Nhị Nguyên giữa chủ thể với đối tượng và cuối cùng là thừa nhận sự trống vắng trọn vẹn, sự không có tự tính của mọi Pháp và của chính Tâm Ta, thực chứng một phần trạng thái không dơ giống như hư không của Tâm Tĩnh Bồ Đề. Sau khi vào 10 Địa thì Hành Giả sẽ chứng ngộ hoàn toàn trạng thái chân thật của Tâm Tĩnh Bồ Đề.

.) **Mười Địa** (Daśa-bhūmi):

Theo Hiền Giáo thì mười Địa này là 10 trình độ của Đạo Hạnh gồm có :

1) **Hoan Hỷ Địa** (Pramuditā): Hành Giả được bản tính Hiền Thánh đầu tiên và đạt đến Tịnh Lạc khi đã đoạn trừ mê hoặc ở **Kiến Đạo** (Darśana-mārga) và đã hoàn toàn chứng đắc 2 thứ Tính Không (Nhân Không và Pháp Không)

2) **Ly Cấu Địa** (Vimalā): Hành Giả đạt đến Giới Đức viên mãn và hoàn toàn vô nhiễm đối với Giới Hạnh

3) **Phát Quang Địa** (Prabhā-karī): Hành Giả đạt được Nhẫn Nhục viên mãn và thoát khỏi những mê vọng của **Tu Đạo** (Bhāvana-mārga) sau khi đã đạt được Nội Quán thâm sâu

4) **Diệm Tuệ Địa** (Arcis-matī): Hành Giả đạt được sự viên mãn của Tinh Tiến, nhân đó càng lúc càng tăng gia năng lực Quán Hạnh

5) **Nan Thắng Địa** (Sudurjayā): Hành Giả đạt được sự viên mãn của Thiền Định, nhân đó mà đạt được sự tương ứng của Nhị Đế (Tục Đế và Chân Đế) trong hoạt động tâm linh

6) **Hiện Tiền Địa** (Abhimukhī): Hành Giả đạt được sự viên mãn của **Trí Tuệ** (Prajñā) và giữ mãi Bình Đẳng Tính đối với Tịnh và Bất Tịnh

7) **Viễn Hành Địa** (Dūramgama): Hành Giả đã bỏ xa tình trạng Ngã Chấp của Nhị Thừa. Ở Địa này, Hành Giả thành tựu sự viên mãn của **phương tiện** (Upāya) và bắt đầu tu tập Đại Bi đối với tất cả chúng sinh

8) **Bất Động Địa** (Acalā): Hành Giả thành tựu **Nguyện Viên Mãn** (Pranidhāna) và trụ trong **Vô Tướng** (Alakṣaṇa) mà du hành tự tại tùy theo bất kỳ cơ hội nào

9) **Thiện Tuệ Địa** (Sādhu-matī): Hành Giả đạt được 10 Thần Lực, sau khi đã thành tựu **Lực** viên mãn (Bala) và giảng Pháp khắp nơi đồng thời phán xét những người đáng cứu độ và những người không được cứu độ

10) **Pháp Vân Địa** (Dharma-megha): Hành Giả có thể giảng Pháp cho tất cả Thế Giới một cách bình đẳng như những đám mây tuôn xuống những cơn mưa lớn trong mùa đại hạn. Thực tế đây là địa vị của Đức Phật biểu hiện nơi một Bồ Tát

Theo Mật Giáo thì mười Địa có tên gọi giống như trên nhưng lại biểu thị cho 10 phần Công Đức của Tâm Tĩnh Bồ Đề. Do 10 Địa này đều ở trong Hạnh Tín Giải nên được gọi chung là **Địa Cứu Cánh** của Nhất Thiết Trí Trí

Nhờ vào 10 Trụ Địa này, Hành Giả sẽ thực chứng được 10 Pháp bất khả tư nghị của chư Phật là :

- 1 _ Thân tướng tối thắng chẳng thể luận bàn
- 2 _ Đại Trí tối thắng chẳng thể luận bàn
- 3 _ Âm thanh diệu hảo chẳng thể luận bàn
- 4 _ Ánh sáng vi diệu chẳng thể luận bàn
- 5 _ Giới Định viên mãn chẳng thể luận bàn
- 6 _ Thần Túc rộng lớn chẳng thể luận bàn
- 7 _ Mười loại Trí Lực chẳng thể luận bàn
- 8 _ Bốn Vô Sở Úy chẳng thể luận bàn
- 9 _ Tâm Đại Bi chẳng thể luận bàn
- 10 _ Phật Pháp Bất Cộng chẳng thể luận bàn

Trong mỗi Trụ Địa này đều quán trong Tâm cho nên việc tu Hạnh Mạn Đà La nói gọn lại là: **“Lấy Hạnh Vị chia ra thành mười sáu tầng lớp sâu cạn chẳng đồng nhau”**

Dựa vào ý nghĩa của 6 Vô Úy và 10 Địa, các bậc Đạo Sư Mật Giáo đã khẳng định đây là đường lối giúp cho Hành Giả mau chóng chứng đắc Phật Quả

Nguyên đoạn văn trên có nghĩa là :

Muốn tu Hạnh Mạn Đà La , Hành Giả phải biết cách sửa trị Tâm cho đúng đắn và phải niệm trì quán chiếu 16 lớp tu chứng Phật Quả

Chính giữa Đàn chung một hoa sen bằng kim loại, trong hoa sen để một bát nước sương mù tháng tám, trong nước để nhiều lá sen. Chung quanh sen đặt tám cái gương tròn ở tám góc, bên ngoài gương dựng mười sáu bông sen xen với mười sáu lư hương. Trong lư đốt bột Trầm Hương và dùng các thứ đồ ăn quý làm bánh sữa dựng trong mười sáu cái chén để cúng dường chư Phật Bồ Tát

_ **Chính giữa Đàn:** Biểu thị cho Thật Tướng của Tâm, thật tướng của Trí Tuệ tự nhiên

_ **Hoa sen bằng kim loại:** Biểu thị cho Trí Thể Kim Cương thâm diệu của Phật ở nơi Thể Thường Tịch mà hiển hiện Pháp Thân Bản Địa quan hệ với sự tác nghiệp Vô Vi. Đây là chân thân của chư Phật, tức là Pháp Thân thường trụ, Pháp Tính của Lý Trí đầy đủ tự nhiên thường hằng trong 3 đời và từ Thân này lưu xuất các Chúng Bồ Tát nói Pháp 3 Mật. Thân này được Thần Cách Hóa thành **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana Tathāgata) biểu thị cho **Pháp Giới Thể Tính Trí** (Dharma-dhātu parakṛti-jñāna) và được gọi là **Tự Tính Pháp Thân** (Svabhāva-dharma-kāya)

_ **Bát nước dựng nước sương mù tháng tám, bên trong để nhiều lá sen**

.) **Nước sương mù tháng tám:** Biểu thị cho Đại Bi Thệ Thủy

.) **Bát nước dựng nước sương mù tháng tám:** Biểu thị cho Bản Thệ Đại Bi của Như Lai. Lúc hành Đạo Bồ Tát, Ngài có lập lời Nguyện rằng: **“Ta sẽ thành tựu tất cả chư Phật. Độ thoát Pháp Giới với hết thảy chúng sinh giới không dư sót”**. Nay Sở Nguyện đã mãn nhưng còn phải độ chúng sinh chưa hết tức là Pháp Giới chưa được thành tựu đầy khắp cho nên Như Lai siêng tu sự nghiệp không có ngừng nghỉ.

Do nhân duyên Bản Nguyện này nên tất cả Như Lai đồng tập hội (nhiều lá sen trong bát nước) để cùng nhau dùng Thần Lực gia trì cho người tu Hạnh Mạn Đà La

_ **Tám cái gương tròn ở tám góc:** Biểu thị cho Công Đức của Diệu Pháp Bản Tâm vốn có nơi Phật và tất cả Chúng Sinh, lưu xuất ra 8 bậc Thiện Tri Thức đi vào cửa Pháp Giới gồm có 4 Trí của Như Lai và 4 Hạnh của Như Lai

) **4 cái gương ở 4 phương** : Biểu thị cho 4 Trí của Như Lai

_ **Cái gương ở phương Đông**: Biểu thị cho **Tâm Bồ Đề** (Bodhicitta) vốn là cái tối sơ của muôn Hạnh. Nó được Thần Cách Hóa thành **Bảo Tràng Như Lai** (Ratnaketu Tathāgata) biểu thị cho **Đại Viên Kính Trí** (Adarśa-jñāna) là cái Trí xa lìa tất cả phân biệt cấu nhiễm, tính tướng thanh tịnh như tấm gương tròn lớn chiếu soi khắp cả Lý Sự của vạn tượng. Do đó Đại Viên Kính Trí được xem là **Tự Thọ Dụng Pháp Thân** (Svasaṃbhoga-dharma-kāya) của Đại Nhật Như Lai, tức là Trí Pháp Nhiên Thủy Giác, tự thọ dụng Pháp Lạc

_ **Cái gương ở phương Nam**: Biểu thị cho sự thành tựu vạn Hạnh Đại Bi, viên mãn vạn Đức, mở bày Tâm Phật. Nó được Thần Cách Hóa thành **Khai Phu Hoa Vương Như Lai** (Sampuspītā-sāleन्द्रa-rājāya Tathāgata: Khai Phu Hoa Sa La Thọ Vương Như Lai) biểu thị cho **Bình Đẳng Tính Trí** (Samatā-jñāna) là Trí quán sát tất cả Pháp **Tự Tha Hữu Tình** thấy đều bình đẳng. Do tương ứng hỗ cộng với Đẳng Đại Bi mà bình đẳng phổ độ chúng sinh. Vì thế Bình Đẳng Tính Trí được xem là **Tha Thọ Dụng Pháp Thân** (Parasaṃbhoga-dharma-kāya) của Đại Nhật Như Lai là Thân ứng hiện 10 Địa gia trì cho Chúng Bồ Tát để họ tự Nội Chứng được Pháp Thân

_ **Cái gương ở phương Tây**: Biểu thị cho Trí Phương Tiện Phổ Môn của Như Lai, là sự tu hành viên mãn đặc được Quả Đức tự chứng nên còn gọi là **Chứng Bồ Đề**. Nó được Thần Cách Hóa thành **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus Tathāgata) biểu thị cho **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyave-kṣana-jñāna) là Trí khéo biết tướng chung tướng riêng của các Pháp mà không hề bị ngăn chướng, lại y theo từng loại căn cơ của chúng Hữu Tình mà tự tại thuyết Pháp giáo hóa chúng sinh. Do đó Diệu Quán Sát Trí được xem là **Ứng Hóa Pháp Thân** (Nirmāṇa-dharma-kāya) của Đại Nhật Như Lai là Thân giáo hóa nhiếp thọ Bồ Tát Sơ Địa, Nhị Thừa, Phạm Phu

_ **Cái gương ở phương Bắc**: Biểu thị cho Trí Niết Bàn của Như Lai, là sự chứng nhập vào cảnh giới thâm sâu vắng lặng của Đại Niết Bàn. Nó được Thần Cách Hóa thành **Thiên Cổ Lô Âm Như Lai** (Divya-duṇḍubhi-megha-nirghoṣa Tathāgata) biểu thị cho **Thành Sở Tác Trí** (Kṛtya-muṣṭhāna-jñāna) là Trí dùng 3 Nghiệp thân khẩu ý của Như Lai làm lợi lạc cho chúng Hữu Tình. Vì chúng sinh hành Thiện, thành Bản Nguyện Lực, Sở Ứng Tác Sự. Do đó Thành Sở Tác Trí được xem là **Đẳng Lưu Pháp Thân** (Niṣyanda-dharma-kāya) của Đại Nhật Như Lai, là Thân đi vào muôn loài mang đầy đủ uy nghi, âm thanh, tướng mạo của từng loài để hoàn thiện việc Phật và việc Thế Gian

) **Bốn cái gương ở bốn góc**: Biểu thị cho 4 Hạnh của Như Lai

_ **Cái gương ở góc Đông Nam** : Biểu thị cho Hạnh Thâm Nhập Tâm Bồ Đề. Nó được Thần Cách Hóa thành **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samanta-bhadra Bodhisatva) tức là giai đoạn Tịnh Tâm Bồ Đề

_ **Cái gương ở góc Tây Nam**: Biểu thị cho Hạnh Trưởng Dưỡng Tâm Bồ Đề. Nó được Thần Cách Hóa thành **Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát** (Maṃjuśrī Bodhisatva) tức là giai đoạn nuôi lớn Bát Nhã

_ **Cái gương ở góc Tây Bắc**: Biểu thị cho Hạnh Toàn Thiện Tâm Bồ Đề. Nó được Thần Cách Hóa thành **Quán Tự Tại Bồ Tát** (Avalokiteśvara Bodhisatva) tức là giai đoạn chứng ngộ Bồ Đề

_ **Cái gương ở góc Đông Bắc**: Biểu thị cho Hạnh Kết Kim Cương Thân. Nó được Thần Cách Hóa thành **Di Lạc Bồ Tát** (Maitreya Bodhisatva) tức là giai đoạn Nhập Niết Bàn

Vì 4 Hạnh là **Nhân Đức** của Như Lai, 4 Trí là **Quả Đức** của Như Lai nên 4 Hạnh và 4 Trí là Đức Pháp Thân của Đại Nhật Như Lai, tức là 8 Đại Pháp của Đại Nhật Tôn.

Trong 9 Tôn này thì Đại Nhật biểu thị cho Tổng Thể nên là **Phật Bộ** (Buddha-kulāya), 4 vị Phật biểu thị cho Giác Trí nên là **Kim Cương Bộ** (Vajra-kulāya), 4 vị Bồ Tát biểu thị cho Đức của Đại Bi nên là **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya) và 9 Tôn này biểu thị cho Lý Thù của **Phật Tính** (Buddhatā) vốn có trong tâm của tất cả chúng sinh.

_ **Mười sáu bông sen**: Biểu thị cho 16 Pháp, mỗi một Pháp đều là Pháp Giới bình đẳng. Do 8 loại Thiện Tri Thức, mỗi vị đều giữ một Tuệ Ấn Kim Cương và một Chân Ngôn tương ứng nên tổng cộng thành 16 Pháp. Tám Tuệ Ấn Kim Cương còn gọi là **Tám Ấn Bí Mật** tức là Bí Ấn Quán Đỉnh của Đại Nhật Như Lai, biểu thị cho Đức của 4 Trí và 4 Hạnh của Như Lai

1) **Đại Uy Đức Sinh Ấn**: Ấn này do Đại Uy Đức của Đại Nhật Như Lai sinh ra (Thế lực của Tâm Bồ Đề thanh tịnh) nên gọi là **Đại Uy Đức Sinh** . Đây là Ấn của Bảo Tràng Như Lai ở phương Đông biểu thị cho Tâm Bồ Đề thanh tịnh hay sinh ra vạn Đức
 Tướng Ấn là: Chắp hai tay lại giữa trán không (Không Tâm Hợp Chương) bung tán 2 ngón trỏ, 2 ngón út như phóng tán ánh lửa.



Chân Ngôn là :

ॐ ह्रीं समंता बुद्धानाम् रमं राहं स्वहं ॐ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ RAM_ RAḤ _ SVĀHĀ

2) **Kim Cương Bất Hoại Ấn**: Trí kiên cố bất hoại của Đại Nhật Như Lai giống như Kim Cương nên gọi là **Kim Cương Bất Hoại**. Đây là Ấn của Sa La Thọ Vương Như Lai ở phương Nam, biểu thị cho địa vị đạt đến Kim Cương chân thật.

Tướng Ấn là: Dựa theo Không Tâm Hợp Chương, co 2 ngón trỏ đặt trên 2 ngón cái như hình chữ Phộc (𠄎_ VA), dựng thẳng bung tán 2 ngón giữa.



Chân Ngôn là:

ॐ ह्रीं समंता बुद्धानाम् वामं वाहं स्वहं ॐ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ VAM_ VAḤ_ SVĀHĀ

3) **Liên Hoa Tạng Ấn**: Còn gọi là Như Lai Tạng Ấn. Đây là Ấn của A Di Đà Như Lai ở phương Tây, biểu thị cho Đức hàm chứa Đại Bi.

Tướng Ấn là: Dựa theo Không Tâm Hợp Chương, bung tán 2 ngón vô danh, 2 ngón giữa, 2 ngón trỏ như hoa sen 8 cánh.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो सामन्तबुद्धाय नमो साम् स्वहा

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ SAM SAḤ _ SVĀHĀ

4) **Vạn Đúc Trang Nghiêm Ấn:** Còn gọi là Nội Ngoại Trang Nghiêm Ấn. Các Đúc trong ngoài của Như Lai thầy đều đầy đủ nên gọi là **Vạn Đúc Trang Nghiêm**. Đây là Ấn của Thiên Cổ Như Lai ở phương Bắc, biểu thị cho Đúc thành mãn sự nghiệp **tự lợi, lợi tha** nên còn gọi là Nội Ngoại Trang Nghiêm.

Tướng Ấn là: Dựa theo Không Tâm Hợp Chưởng, co 2 ngón út vào trong lòng bàn tay.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो सामन्तबुद्धाय नमो हाम् स्वहा

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ HAM HAḤ _ SVĀHĀ

5) **Nhất Thiết Chi Phần Sinh Ấn:** Còn gọi là Tùng Phật Chi Phần Sinh Ấn. Đây là Ấn của Phổ Hiền Bồ Tát ở góc Đông Nam, biểu thị cho Đúc của Tâm Bồ Đề được sinh ra từ từng phần của Đúc Phật.

Tướng Ấn là: Chắp 2 tay lại như hình đóa hoa chưa nở (Vị Khai Phu Hoa Hợp Chưởng) dựng thẳng đứng 2 ngón cái rồi hơi co lại.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो सामन्तबुद्धाय नमो अम् स्वहा

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ AM AH_ SVĀHĀ

6) **Đà La Ni Ấn:** Còn gọi là Thế Tôn Đà La Ni Ấn. Đây là Ấn của Quán Tự Tại Bồ Tát ở góc Tây Bắc, biểu thị cho nghĩa Tổng Trì là Thế Tính Pháp Môn

Tướng Ấn là: Dựa theo Vị Khai Phu Hoa Hợp Chương, co 2 ngón giữa vào trong lòng bàn tay.



Chân Ngôn là:

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् बुद्धधरिण श्रुति वल धर कर धरिण्य सक्तम्
सर्वधरिण्य सक्तम् वरिण्य समर्थम् सक्तम्

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ BUDDHA-DHĀRAṆI SMṚTI _
BALĀ-DHĀNA KARI _ DHĀRA DHĀRA DHĀRĀYA _ SARVA BHAGAVATĪ
ĀKĀRA-VATI SAMAYĒ _ SVĀHĀ

7) **Pháp Trụ Ấn:** còn gọi là Như Lai Pháp Trụ Ấn. Đây là Ấn của Văn Thù Bồ Tát ở góc Tây Nam, biểu thị cho Đức trụ bền lâu nơi tất cả Pháp Môn nên gọi là Pháp Trụ.

Tướng Ấn là: Chắp 2 tay lại giữa trống rỗng (Hur Tâm Hợp Chương) mở bung 2 ngón giữa.



Chân Ngôn là:

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् अ वेद वेदम् सक्तम्

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ Ā VEDA VIDE _ SVĀHĀ

8) **Tán Tật Trì Ấn:** Còn gọi là Thế Tôn Tấn Tật Trì Ấn. Đây là Ấn của Di Lạc Bồ Tát ở góc Đông Bắc, biểu thị cho lực gia trì nhanh chóng của sức Thần Biến Bí Mật của Như Lai.

Tướng Ấn là: Hai tay kết Hur Tâm Hợp Chương, đan chéo 10 đầu ngón tay với nhau, bên phải đè bên trái, cùng nhau gia trì rồi tự xoay chuyển.



Chân Ngôn là:

ॐ मः समं वृक्षं मन्मथं यथायं यथायं वं स्रुक्तं मन्मथं
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM MAHĀ-YOGA YOGINI
YOGĒSVARĪ KHAM JALIKĒ SVĀHĀ

16 Pháp **Ấn Chú** này là cửa ngõ bí mật để thực chứng được Thật Tướng của Tâm, nghĩa là thực chứng được Pháp Thân Thường Trụ của Phật.

Mười sáu lư hương:

Lư Hương là nơi phát sinh mùi thơm thanh tịnh. Vì Giới Hương, Tính của nó vốn tịnh, không đến không đi mà thường đầy khắp Pháp Giới cho nên chư Phật thường theo Giới Hương mà đến. Do đó 16 lư hương biểu thị cho 16 Quỹ Giới của 16 Pháp Cảnh Thiên Định

Mười sáu chén thức ăn quý :

Chư Phật Bồ Tát dùng Pháp vui Thiên Duyệt làm nghĩa **Ấn** (Thiên Duyệt Thực). Do đó 16 chén thức ăn quý biểu thị cho mùi vị thượng diệu không gì sánh bằng của 16 cảnh giới Thiên Định của 8 Tôn và 8 Ấn Bí Mật

Kinh **Đại Nhật, Phẩm 14_ Tám Ấn Bí Mật** ghi rằng: “*Tự thân trụ vào hình của Bản Tôn bền chắc chẳng động. Như Bản Tôn, rồi lại an trụ như Bản Tôn thì sẽ được Tát Địa*”

Nguyên đoạn văn trên có nghĩa là:

*Hành Giả phải kiến lập được Mandala **Bát Diệp Cửu Tôn** (9 Tôn trong hoa sen 8 cánh) ngay trong Bản Tâm mình để nắm vững Lý Thú của Phật Tính vốn có xưa nay trong Tâm của mọi chúng sinh đồng thời phát khởi niềm tin chắc thực rằng **Ta là Phật sẽ thành**. Từ đây Hành Giả tinh tiến giữ gìn Thân Khẩu Ý cho thật trong sạch và mạnh dạn bước vào con đường tu trì Thiên Định cho đến khi Hành Giả nhập vào được Pháp Giới , thực chứng được những biểu tượng của chư Phật Bồ Tát vốn là những điểm linh quang hiện hữu trong Tâm mình. Ngay lúc đó, Hành Giả sẽ trực nhận được Trí Giác Nguyên Thủy và mau chóng vượt qua các thứ lớp tu chứng, thành tựu Phật Quả*

Trước Đàn để một lư than nhỏ. Đến mỗi bữa ăn hoặc nửa đêm dùng Mật Ong và Tô Lạc đổ vào lư than, đốt lên cúng dường chư Phật Bồ Tát

Lư than nhỏ: Biểu thị cho Nhiệt Tâm đam mê ích kỷ. Sau khi được lửa 3 Mật nung nóng sẽ chuyển thành nguyên lý phản chiếu rõ ràng mọi chân tướng của vạn vật

Mỗi bữa ăn hoặc nửa đêm: Biểu thị cho thời điểm tu tập Thiên Định hoặc trì tụng Đà La Ni

Mật ong: Biểu thị cho Vị Tịnh Diệu của Pháp Thực

Tô lạc: Biểu thị cho sự tinh thuần của Pháp Thực

Cúng dường chư Phật Bồ Tát: Biểu thị cho việc dùng Pháp Thực **Tịnh Diệu Tinh Thuần** cúng dường phụng thí chư Tôn thì ngược lại chư vị sẽ cho Hành Giả mãn nguyện mong cầu và thường khiến được đầy đủ Vị **Bất sinh bất tử**

Nguyên đoạn văn trên có nghĩa là :

Hành Giả tu Hạnh Mandala dùng phương tiện 3 Mật tu trì Thiên Định để khuấy động sửa Phật Tính của bản tâm cho đến khi nó thành Đê Hồ Diệu Giác Thuần Tịnh , dung hòa vi diệu. Dựa vào đó mà tất cả Trí Ấn Kim Cương cùng nhóm hợp trong Vị Cam Lộ bạc nhất để phát kiến Trí Giác Nguyên Thủy

Bốn phía ngoài treo phượng, hoa. Bốn vách trong Đàn treo hình tượng chư Phật Bồ Tát. Hai bên cửa treo tượng Hộ Pháp Long Thiên. Lại lấy tám cái gương treo trên hư không chiếu thẳng vào 8 cái gương tròn trong Đàn khiến thành hình bóng xen nhau trùng trùng vô tận

_ **Phượng:** Biểu thị cho phép tắc của Tâm Đại Bồ Đề

_ **Hoa:** Biểu thị cho Tính Tuệ thành tựu, là điềm khai phát mầm thiện

_ **Hình tượng chư Phật Bồ Tát:** Biểu thị cho sự kết tinh và dẫn dắt lời cầu nguyện của Hành Giả. Đây chính là phương tiện thiện xảo nhằm kêu gọi, đánh thức Phật Tính vốn có ngay trong bản tâm của Hành Giả

_ **Hình tượng Hộ Pháp Long Thiên:** Biểu thị cho Tâm Ý dứt trừ Pháp bất thiện, xa lìa Pháp phiền não trói buộc và nuôi lớn Pháp Thiện, bảo vệ giữ gìn Chính Pháp Giải Thoát

_ **Tám cái gương treo trên hư không chiếu thẳng vào tám cái gương tròn trong Đàn**

Theo nghĩa ngoài thì 8 cái gương treo trên hư không là 8 Phật Đỉnh biểu thị cho Quả Đức u huyền của Đại Nhật Như Lai. Trong đó 3 Phật Đỉnh (Quảng Đại Phật Đỉnh, Cực Quảng Đại Phật Đỉnh, Vô Biên Am Thanh Phật Đỉnh) biểu thị cho 3 Đức Tính của 3 Bộ. Năm Phật Đỉnh (Bạch Tản Cái Phật Đỉnh, Thắng Phật Đỉnh, Tối Thắng Phật Đỉnh, Quang Tụ Phật Đỉnh, Trừ Chướng Phật Đỉnh) biểu thị cho 5 Trí của Thích Ca Như Lai. Thứ tự phương vị của 8 Phật Đỉnh là:

1_ Tối Thắng Phật Đỉnh ở phương Đông

2_ Vô Biên Âm Thanh Phật Đỉnh ở góc Đông Nam

3_ Quang Tụ Phật Đỉnh ở phương Nam

4_ Cực Quảng Đại Phật Đỉnh (Phát Sinh Phật Đỉnh) ở góc Tây Nam

5_ Bạch Tản Cái Phật Đỉnh ở phương Tây

6_ Thắng Phật Đỉnh ở góc Tây Bắc

7_ Trừ Chướng Phật Đỉnh ở phương Bắc

8_ Quảng Đại Phật Đỉnh (Quảng Sinh Phật Đỉnh) ở góc Đông Bắc

Đây là Pháp Tướng gia trì của 8 Phật Đỉnh tương ứng với 8 Đại Pháp của Đại Nhật Tôn

Theo nghĩa bên trong thì Tính của Tâm vốn tịnh giống như gương sáng trong. Tuy thanh tịnh không có bụi dơ nhưng hay phản chiếu tất cả hình tượng. Các hình tượng trong gương chẳng từ gương sinh ra, chẳng từ ngoại chất sinh ra, chẳng cùng sinh cũng chẳng không Nhân Duyên mà có, các loại hý luận đều chẳng tương ứng, lại cũng chẳng thể nắm giữ được, chỉ thuộc các Nhân Duyên mà ra, Duyên hợp chẳng sinh, Duyên tan chẳng diệt. Tức là Vô thường, vô đoạn, vô khứ (Không có đi), vô lai (không có đến). Nếu hiểu được **Tức tượng là gương, tức gương là tượng** thì thấy được thực tướng của các Pháp, biết được tự tính của Tâm vốn chẳng nhiễm ô

Nay dùng 8 cái gương như Tâm đó để xem xét phản chiếu 8 Đại Pháp của Đại Nhật Tôn ắt sẽ nhận biết được 4 Hạnh, 4 Trí của Như Lai với 8 cái gương Tâm ấy không hai không khác. Từ đó xem xét Pháp Giới như thế thì sẽ được Tam Muội **Trừ Cái Chướng**, có thể vì chúng sinh làm việc lợi ích không gì sánh bằng.

Nguyên đoạn văn trên có nghĩa là :

*Hành Giả tu Hạnh Chân Ngôn phải quyết Tâm xa lìa Tà Pháp, giữ gìn Chính Pháp Giải Thoát, cương quyết noi theo dấu bước của chư Phật Bồ Tát tu tập các hạnh lành, phát khởi và nuôi lớn Tâm Bồ Đề. Dùng cái Tâm như gương để xem xét cái gương như Tâm, nghĩa là **Tự Tâm thấy Tâm, Tâm tự biết Tâm** cho đến khi nhận biết*

được tự tính của Tâm vốn chẳng nhiễm ô. Lúc ấy mới có thể chuyển mê khai ngộ và thoát khỏi xiềng xích kèm tủa của vòng Luân Hồi

Trong Thất đầu chí thành đĩnh lễ chư Phật, Đại Bồ Tát và A La Hán. Sáu thời nhiều Đàn tụng Chú, chí Tâm hành Đạo

Đĩnh lễ chư Phật, Đại Bồ Tát và A La Hán:

Chư Phật, Đại Bồ Tát và A La Hán là các Quả Vị vượt thoát biển sinh tử luân hồi của các Đẳng Giác Ngộ. Đây chính là các mục tiêu mà Hành Giả tu theo Phật Giáo cần phải đạt được tùy theo sự phát Tâm của mình

Đĩnh lễ: Biểu thị cho sự tôn kính các Đẳng Giác Ngộ Giải Thoát và cũng là phương pháp giúp cho Hành Giả dẹp tan Tâm kiêu mạn. Đồng thời **Đĩnh lễ** cũng giúp cho Hành Giả phát khởi Tâm Ý Hộ thẹn, thực hiện Pháp Sám Hối để làm tiêu mòn 3 Độc tham sân si và từ bỏ 2 loại chướng ngại bên ngoài với bên trong

Do vậy **Đĩnh lễ chư Phật, Đại Bồ Tát và A La Hán** chính là phương tiện giúp cho Hành Giả **Thấy Quả mà gieo Nhân** và một khi thường xuyên thực hành phương pháp này thì Hành Giả sẽ mau chóng nương theo hình tượng biểu thị cho Giác Tính bên ngoài (Phật, Đại Bồ Tát, A La Hán) để đánh thức Tính Giác vốn có xưa nay trong bản tâm của mình. Như Đức Phật có nói: **“Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành”**

Sáu Thời nhiều Đàn tụng Chú

Sáu Thời: là 6 kỳ hạn tu tập trong một ngày, biểu thị cho ý chí tinh tiến tu tập không ngưng nghỉ

Đàn biểu thị cho ý nghĩa Phát sinh chư Phật.

Nhiều Đàn (đi vòng quanh Đàn) biểu thị cho sự di chuyển nhưng luôn luôn chú tâm quán chiếu Chính Pháp **Phát Sinh chư Phật**

Tụng Chú: Biểu thị cho Pháp tu **Thiền Định với Âm Thanh** là phương pháp tương đối thích hợp nhất với căn cơ của chúng sinh trong **Thế Giới Ta Bà** (Sāha-loka-dhātu) vì Thế Giới này thường dùng âm thanh của ngôn ngữ để giao tiếp với nhau

Thoạt tiên Hành Giả có thể đọc tụng Thần Chú Lăng Nghiêm một cách lớn tiếng hoặc ngâm nga như ca tán kèm với sự chú tâm để giảm bớt sự xâm nhập quấy nhiễu của Trần Cảnh đồng thời kêu gọi sự tiếp độ hộ trì của Chư Phật, các Đại Bồ Tát, các vị Hiền Thánh Hộ Pháp

Thời gian sau Hành Giả đọc tụng Thần Chú một cách nhẹ nhàng từ tốn kèm với sự chú ý của tâm. Dần dần Hành Giả kết hợp Thần Chú với hơi thở qua cách đọc tụng thầm thì nhằm liên kết Thần Chú và ý thức. Cuối cùng Hành Giả mặc niệm Thần Chú trong Tâm Trí để hợp nhất Thân Khẩu Ý của mình với Thần Chú tạo thành nền tảng thâm nhập vào Đại Định

6 Thời nhiều Đàn tụng Chú chính là một phương pháp thu thúc 6 Căn, ngăn cản không cho ngoại giới chi phối Tâm Ý của mình đồng thời đánh thức Trí Giác vốn có xưa nay trong tâm nhằm tịnh hóa 3 nghiệp Thân Khẩu Ý, làm tiêu giảm năng lực của nghiệp chướng đời quá khứ để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tu hành Thiền Định

Chí Tâm hành Đạo: Biểu thị cho Tâm Ý quyết định và thành khẩn để dẫn thân vào con đường tu tập Chính Pháp Giải Thoát

Theo quan điểm của Thần Bí Giáo thì **Thần Chú** (Mantra) là cửa ngõ để cho con người giao tiếp với Thần Linh. Khi sự giao tiếp ấy đã trở thành sự cảm thông lâu dài giữa Thần Linh và con người thì sẽ biến hóa bản thân, tinh thần và vật chất của người tu hành khiến cho nó trở thành một cái hang Thánh Hóa

Điều kiện căn bản tạo nên sự giao tiếp cảm thông ấy là Hành Giả phải có tâm chân thành, niềm tin tuyệt đối vào hiệu lực của Thần Chú đồng thời Hành Giả phải biết cách phát âm đúng Thần Chú. Vì Thần Chú (Mantra) là âm tiết hay một chuỗi âm tiết chuyên tải năng lực vi diệu tự nhiên của vũ trụ qua dạng rung động. Do đó nếu phát âm đúng Mantra thì những rung động của Mantra sẽ vang dội trong không gian và tác động trực tiếp đến những trung tâm vi diệu của thân thể, khai mở dòng năng lực ngủ quên của Hành Giả và giúp cho Hành Giả mau chóng đạt được một số quyền năng siêu phàm, cũng như dễ dàng giao tiếp cảm thông với cõi siêu hình để tái tạo cơ thể thiêng liêng thoát tục.

Theo quan điểm của Mật Tông Phật Giáo thì mục tiêu cơ bản của Hành Giả là chứng ngộ được Chính Pháp Giải Thoát và mục đích cứu cánh là chứng đạt được mùi vị an lạc tự tại của Đại Niết Bàn để vượt thoát biển khổ luân hồi. Chính vì thế mà mọi quy tắc **Lễ bái, tán tụng, Ấn Quyết, Thần Chú, Đàn Giới** đều hàm chứa Lý Thú giải thoát hoặc biểu thị cho bản nguyện Từ Bi phổ độ của các vị Hiền Thánh, còn quyền năng siêu phàm chỉ là dấu hiệu ấn chứng tạm thời cho trình độ Tâm Linh bởi vì nó có thể được Bậc Thầy cho mượn, hoặc chỉ hiện hữu trong một vài giai đoạn và có thể mất hẳn sau một thời gian nào đó. Đây là lý do mà các bậc Đạo Sư Mật Tông Phật Giáo không lưu ý đến quyền năng có được mà chỉ chú trọng vào mức độ trong sáng của Tâm Linh đối với vạn Pháp.

Như vậy **Thất đầu tiên** là giai đoạn mà Hành Giả cần phải xác định được mục tiêu chân chính để tu tập, xác lập tâm Chính Tín, chân thành siêng năng hành trì Chân Ngôn để tịnh hóa Tâm Thức và tịnh trừ Nghiệp Chương

Thất thứ hai, chuyên tâm phát nguyện Bồ Tát chửng gián đoạn

Khi Tâm Hành Giả đã được an trụ, Nghiệp Chương đã tiêu giảm bớt. Đối với muôn sự muôn vật, Hành Giả có cái nhìn vô tư hơn trong sáng hơn. Nhưng Ngã Chấp chưa được tiêu trừ mà lại có thể phát tâm kiêu mạn coi thường chúng sinh vì thế dễ đọa lạc vào các nẻo bất thiện. Do đó trong giai đoạn này, Hành Giả cần phải phát khởi Tâm Đại Bi, nuôi dưỡng lòng thương xót không bờ bến đối với chúng sinh và luôn tìm cách giúp đỡ họ tùy theo mọi phương tiện có được. Đây chính là tâm nguyện của các Bồ Tát. Cụ thể là tham cứu và thực hiện 4 Thệ Nguyện Căn Bản là:

- 1) **Nguyện cứu độ tất cả chúng sinh không còn sót một ai**
- 2) **Nguyện sẽ dứt bỏ mọi phiền não**
- 3) **Nguyện sẽ học tinh thông mọi giáo lý Giải Thoát**
- 4) **Nguyện sẽ đạt được sự Giác Ngộ tối thượng**

Một khi Hành Giả đã chuyên tâm tu tập Tâm Đại Bi qua công hạnh **Phục vụ vị tha** thì Hành Giả sẽ mau chóng xa lìa tâm ý **vị kỷ vong tha** và tiêu giảm năng lực của **Ngã Chấp, Ngã Ái** hủy diệt tâm kiêu mạn. Nhờ vậy nhận thức của Hành Giả sẽ được thanh lọc, mọi phiền não nghiệp chương được tịnh hóa và trực nhận được bản tâm thanh tịnh vô cấu nhiễm vốn có nơi mình y như các Bậc Giác Ngộ không có sai khác

Nói cách khác, do Tâm hay tạo ra vạn Pháp. Nếu Hành Giả biết cách phác thảo ra hình tượng hoàn thiện và chuyên tâm điều chỉnh thân khẩu ý của mình tiến dần tới hình tượng hoàn thiện ấy thì năng lực vốn có của vũ trụ sẽ tự nhiên đưa đẩy Hành Giả đạt đến trạng thái hoàn hảo đó (Đây là lý do hình thành các cõi Tịnh Độ của chư Phật mười phương). Như các bậc Cổ Đức nói:

“Khi còn mê muội thì chúng ta luôn cầu khẩn chư vị Bồ Tát phù hộ cho chúng ta có thêm các phương tiện thiện xảo để cải sửa thân tâm và giúp ích những người chung quanh tự tiến bộ. Nhưng khi Giác Ngộ, chúng ta lại thấy rằng ai cũng có Phật Tính và các vị Bồ Tát lại ở ngay trong lòng chúng ta, là chính ngay chúng ta”

Từ ý nghĩa này, các vị Đạo Sư Mật Giáo thường truyền dạy cho môn đồ phương pháp **Quán Hóa Thần** để mau chóng thể nhập vào trạng thái giải thoát phiền não. Từ đó tạo dựng nền tảng để mau chóng thành Phật

Đường nét tốt nhất để tu Quán Hóa Thần là khẩn cầu Bản Tôn của Pháp tu để khai triển dòng Tâm Thức và quy hướng tâm ý vào Bồ Tát Đạo. Điều cần nhớ là Hành Giả phải xem Bản Tôn như là vị Thần Hộ Mệnh của mình. Từ đó qua sự khẩn cầu, những lực gia trì của chư Phật Bồ Tát và Bản Tôn sẽ thấm ướt dòng tâm thức của Hành Giả và Hành Giả sẽ mau chóng thực chứng được **Chính Pháp Cá Nhân** của mình

Khi khẩn cầu, Hành Giả ngồi Bán Già (Chân phải gác lên chân trái), điều chỉnh cột xương sống cho ngay thẳng, chú tâm điều hòa hơi thở để an định thân thể. Sau đó trì niệm Quy Y và phát Tâm Bồ Đề

Nam mô Phật

Nam mô Pháp

Nam mô Tăng

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam mô Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn

Nam mô thập phương thường trụ chư vị Hiền Thánh, Hộ Pháp Chúng

Con (Họ tên... Pháp Danh...) từ nay cho đến khi thành Chính Đẳng Chính Giác, con nguyện thệ cứu độ vô lượng vô biên chúng Hữu Tình khiến cho tất cả đều được giải thoát như con không khác. Nguyện xin chư Phật, Bồ Tát, Hiền Thánh Từ Bi chứng biết và khuyến tấn cho con mau viên mãn lời thệ nguyện (3 lần)

_ Tiếp theo Hành Giả quán tưởng tất cả các Pháp và sự tồn tại của Bản Ngã đều trống rỗng và tan thành **Tính Không** (Sūnyatā) và trì niệm Thần Chú TỰ TÍNH 3 lần

Tự Tính của con vốn thanh tịnh

Như tự tính thanh tịnh của các Pháp

OM_ SVABHĀVA ISUDDHA _ SARVA DHARMA SVABHĀVA
ŚUDDHA-UHAM

Từ khoảng không của sự trống rỗng mênh mêng này xuất hiện chữ ॐ (PAM: Chủng tử biểu thị cho Đệ Nhất Nghĩa Vô Nhiễm) màu trắng tinh. Chữ PAM biến thành hoa sen màu trắng, trên hoa sen này có chữ ॐ (ĀH: Chủng tử biểu thị cho Ngũ Giác Ngộ là nguyên lý bao quát tất cả nghĩa của Chú Thuật hay âm thanh sáng tạo) màu trắng. Chữ ĀH biến thành vành trăng tròn trịa, bên trong vành trăng có chứa chữ ॐ (LAM: Chủng tử biểu thị cho ánh sáng Trí Tuệ che trùm khắp Pháp Giới chúng sinh) màu trắng tinh. Chữ LAM tỏa ánh sáng trắng rực rỡ đem lại sự tốt lành cho các loài Hữu Tình, sau đó ánh sáng quay trở về nhập vào chữ LAM. Liền đó chữ LAM biến thành Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn có thân hình màu trắng đầy đủ mọi tướng tốt đẹp, ngồi trên tòa sen trắng, tay phải kết Ấn Dữ Nguyện, tay trái cầm hoa sen và trên hoa sen có cái lọng màu trắng. Toàn thân phóng tỏa ánh sáng Đại Bi màu trắng tinh rực rỡ chiếu soi cứu độ muôn loài chúng sinh trong Pháp Giới

_ Khi quán thấy Bản Tôn rõ ràng, Hành Giả liền xưng tán

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài là nơi chư Thiên cùng đỉnh lễ

Con khẩn cầu Thầy : Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn

OM_ MAHĀ-SITĀTAPATROṢṆĪṢA HŪM BHRŪM

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài là Đấng cao cả mà các Thiên Nữ thường theo hầu cận

Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn

OM_ MAHĀ-SITĀTAPATROṢṢNĪṢA HŪṢ BHRŪṢ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài hay giáng phục các loài Quỷ gây bệnh
Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn
OM_ MAHĀ-SITĀTAPATROṢṢNĪṢA HŪṢ BHRŪṢ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài hay che chắn được các Chú Lục
Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn
OM_ MAHĀ-SITĀTAPATROṢṢNĪṢA HŪṢ BHRŪṢ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài hay giáng phục các chúng sinh khó giáng
phục
Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn
OM_ MAHĀ-SITĀTAPATROṢṢNĪṢA HŪṢ BHRŪṢ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài hay ngăn dứt các điều ác
Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn
OM_ MAHĀ-SITĀTAPATROṢṢNĪṢA HŪṢ BHRŪṢ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài hay miễn trừ mọi sự chết yểu
Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn
OM_ MAHĀ-SITĀTAPATROṢṢNĪṢA HŪṢ BHRŪṢ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài hay giải thoát các sự trói buộc
Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn
OM_ MAHĀ-SITĀTAPATROṢṢNĪṢA HŪṢ BHRŪṢ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài hay làm mất mọi hiện tượng ác
Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn
OM_ MAHĀ-SITĀTAPATROṢṢNĪṢA HŪṢ BHRŪṢ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài hay đập tan 84000 phiền não
Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn
OM_ MAHĀ-SITĀTAPATROṢṢNĪṢA HŪṢ BHRŪṢ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài hay khiến cho 28 vị Tinh Tú vui vẻ
Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn
OM_ MAHĀ-SITĀTAPATROṢṢNĪṢA HŪṢ BHRŪṢ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài hay chặn đứng mọi kẻ oan gia và tiêu diệt
tất cả mộng ác hãi hùng
Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn
OM_ MAHĀ-SITĀTAPATROṢṢNĪṢA HŪṢ BHRŪṢ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài luôn kịp thời cứu thoát những kẻ bị nạn nơi
thuốc độc, dao gậy, nước, lửa
Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn
OM_ MAHĀ-SITĀTAPATROṢṢNĪṢA HŪṢ BHRŪṢ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con. Ngài là hiện thân cho mọi tướng của Như Lai
Con khẩn cầu Thầy: Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn
OM_ MAHĀ-SITĀTAPATROṢṢĪṢA HŪṢ BHRŪṢ

Tiếp theo Hành Giả khẩn cầu Bản Tôn ban rải năng lực gia trì để tịnh hóa 3
nghiệp Thân Khẩu Ý của mình

Hỡi Đức Bản Sư Tôn Quý của con

Xin hãy an vị trên Tòa Sen trong vành trăng trên đỉnh đầu của con

Xin xót thương con vì lòng Bi Mẫn

Cho con thành tựu về Thân, lời, Ý

OM ĀḤ HŪṢ _ MAHĀ-SITĀTAPATROṢṢĪṢA HŪṢ BHRŪṢ _ SARVA
SIDDHI HŪṢ (3 lần)

Nay con xin quay về nương tựa Bậc Thầy và ba ngôi báu

Xin ban phước cho dòng tâm thức của con

Xin gia hộ cho con: Tịnh trừ được tất cả chướng ngại Nội Tâm và Ngoại Cảnh để
mau chóng thực chứng được Đạo Bồ Đề

OM_ SARVA-TATHĀGATOṢṢĪṢA-SITĀTAPATRE HŪṢ PHAT_ HŪṢ
MAMA HŪṢ NI SVĀHĀ (108 lần)

Trong khi trì niệm, Hành Giả quán tưởng từ Bản Tôn tỏa ra ánh sáng trắng chiếu
khắp châu thân, từ trên đỉnh đầu xuống tận gót chân, đẩy mọi Tập Khí nghiệp ác, các
chướng do nghiệp Thân Khẩu Ý gây tạo ra khỏi thân thể Hành Giả qua các lỗ chân
lông thành dạng sương khói đen kịt. Dần dần thân thể Hành Giả trở thành sắc chói rạng
trắng tinh.

Sau đó Hành Giả quán tưởng Bản Tôn hóa thành luồng ánh sáng trắng tinh chui
vào đỉnh đầu xuống trái tim và tan biến ngay trong tim Hành Giả.

_ Cuối buổi Quán Niệm, Hành Giả chí thành Hồi Hướng

Nam mô Phật. Nam Mô Pháp, Nam Mô Tăng

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam mô Đại Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Thế Tôn

Nam mô Thập Phương thường trụ chư vị Hiền Thánh, Hộ Pháp Chúng

Nguyện cho tất cả chúng sinh thường được an vui

Nguyện cho tất cả chúng sinh mau lìa khổ não

Nguyện cho tất cả chúng sinh sớm khởi Từ Bi

Nguyện cho tất cả chúng sinh đồng chứng Bồ Đề

Sau đó Hành Giả xả bỏ và hoàn tất buổi công phu

*Trong giai đoạn này, Hành Giả luôn luôn tìm hiểu và thâm nhập vào mọi nghĩa
thứ của Tâm Đại Bi với các Hạnh Nguyện của chư Phật Bồ Tát*

***Thất thứ ba, mười hai thời luôn trì Chú. Đến ngày thứ bảy, mười phương Như
Lai cùng hiện trong ánh sáng gương, được Phật xoa đầu, liền nơi Đạo Trường được
vào Tam Ma Địa***

Sau hai giai đoạn tu tập trước, nếu Hành Giả tự biết Tâm mình đã được an định
nhiều hơn, Tri Thức rộng mở hơn, lòng thương xót chúng sinh cũng gia tăng hơn, khi
đôi cảnh thì Tâm Ý vô tư bình đẳng hơn. Như vậy Hành Giả đã tương ứng được đôi
phần với Bản Tôn. Tiếp theo Hành Giả gia công gấp đôi, một ngày đêm 12 Thời vừa trì
niệm Thần Chú Lăng Nghiêm vừa tìm hiểu nghĩa thứ của Thần Chú, vừa thu nhiếp
Tâm Ý để bước vào **Lăng Nghiêm Tam Muội** (Śuraṃgama-samādhī)

Đến giai đoạn này, Hành Giả lặng lẽ điềm nhiên dùng **cái Tâm như gương** để xem xét **cái gương như Tâm** cho đến lúc thực chứng được Bản Tôn, chư Phật, Bồ Tát, các vị Hiền Thánh, các vị Hộ Pháp đều là những điềm linh quang hiện hữu trong Tâm của mình qua trạng thái Thiền Định. Nếu được thành tựu như thế thì thân tâm Hành Giả sẽ được sáng tỏ, trong sạch như ngọc Lưu Ly. Nghĩa là **Đất Tâm đã** được tinh sạch và sẵn sàng gieo mầm chủng Bồ Đề. Đây cũng là ý nghĩa của Kinh Văn **Mười phương chư Phật cùng hiện trong ánh sáng gương xoa đầu thọ ký**

Sau Thất thứ ba, tĩnh tọa an cư, trải qua một trăm ngày. Nếu người lợi căn có thể chứng ngay Sơ Quả. Dẫu cho thân tâm chưa thành Chính Quả nhưng tự biết nhất định sẽ thành Phật chẳng sai

Khi Đất Tâm được sửa trị trong sạch, tự thân lại tiếp nhận được lực gia trì của Bản Tôn và chư vị Hiền Thánh. Nhưng nếu chưa được Đạo Quả thì Hành Giả dễ sinh tâm kiêu mạn, nảy sinh chấp trước mà uổng phí công phu. Vì thế Hành Giả cần phải lặng lẽ quán niệm lại thân tâm của mình, đối chiếu tâm ý của mình khi đối cảnh với cách hành xử của chư Phật Bồ Tát, Hiền Thánh để kiểm tra tâm ý của mình. Thường xuyên nhận biết lỗi lầm của mình cho đến khi biết chắc đã gieo trồng được mầm giống Bồ Đề vào đất tâm thanh tịnh thì quyết định rằng mình sẽ thành Phật cũng như mau chóng chứng đắc Sơ Quả Bồ Đề

Có điều trong thời Mạt Pháp này, nếu có duyên lành thì Hành Giả sẽ được các bậc Thánh Giải Thoát tự tìm đến ấn chứng cho trình độ Giác Ngộ của mình. Nếu không được như vậy, Hành Giả càng phải cố gắng kiểm soát tâm ý của mình, đừng để cho bản tâm thanh tịnh bị tỳ vết mà uổng phí công phu tu hành.